

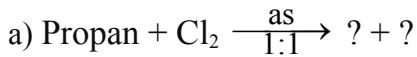
Họ và tên:.....Lớp 11A

Cho nguyên tử khối: H = 1; C = 12; O = 16; Na = 23; Br = 80; Ag = 108.

Mã đề 003

A. BÀI TẬP TỰ LUẬN (5,0 điểm)

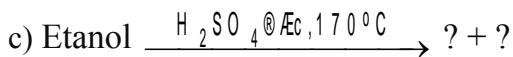
Câu 1: (2,0 điểm) Hoàn thành các phản ứng sau (chỉ viết phương trình phản ứng tạo ra *sản phẩm chính*)



.....
.



.....
.



.....



.....

Câu 2: (3,0 điểm) Hỗn hợp khí X gồm but-2-en và propin.

- Cho V lít (đktc) hỗn hợp X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO₃ trong NH₃ thu được 14,7 gam kết tủa.

- Cho V lít (đktc) hỗn hợp X tác dụng với nước Br₂ dư thấy khối lượng bình Br₂ tăng 6,8 gam.

a) Viết phương trình phản ứng.

b) Tính V và thành phần phần trăm thể tích mỗi khí trong X.

.....
.
.....
.
.....
.
.....
.

B. BÀI TẬP TNKQ (5,0 điểm) Chọn đáp án đúng viết vào bảng sau

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Chọn																				

Câu 1: Ankan X có công thức phân tử là C_5H_{12} , X tác dụng với Cl_2 , thu được 3 dẫn xuất monoclo. X là
A. pentan. B. 2,2-đimetylpropan. C. 2-metylpentan. D. 2-metylbutan.

Câu 2: Đốt cháy hoàn toàn m gam ankin X, thu được 0,3 mol CO_2 và 0,2 mol H_2O . Giá trị của m là
A. 4,0. B. 4,2. C. 4,3. D. 4,1.

Câu 3: Tên thay thế của $CH_3CH_2CH_3$ là
A. butan. B. propen. **C. propan.** D. etan.

Câu 4: Sục khí X vào dung dịch $AgNO_3/NH_3$, thu được kết tủa màu vàng. Khí X là chất nào sau đây?
A. CH_3CH_3 . **B. $HC\equiv CH$.** C. $CH_3CH=CH_2$. D. $CH_2=CH_2$.

Câu 5: Đốt cháy hoàn toàn một lượng ancol X, thu được số mol H_2O lớn hơn số mol CO_2 . X là ancol
A. không no, mạch hở. **B. no, mạch hở.** C. no, mạch vòng. D. thơm, đơn chức.

Câu 6: Cho các chất: Etan, eten, propin, buta-1,3-đien, vinylaxetilen. Số chất phản ứng với dung dịch Br_2 ở điều kiện thường là
A. 2. B. 3. **C. 4.** D. 5.

Câu 7: Ancol nào sau đây thuộc loại ancol bậc I?
A. Butan-2-ol. B. 2-metylpropan-2-ol. C. Propan-2-ol. **D. Etanol.**

Câu 8: Ancol etylic phản ứng với Na tạo ra
A. CH_3ONa và H_2 . B. C_2H_5ONa và H_2O . C. C_2H_5Na và H_2O . **D. C_2H_5ONa và H_2 .**

Câu 9: Cho 4,2 gam anken X phản ứng vừa đủ với 0,1 mol Br_2 . Công thức phân tử của X là
A. C_2H_4 . B. C_5H_{10} . **C. C_3H_6 .** D. C_4H_8 .

Câu 10: Cho 3 gam một ancol (no, đơn chức, mạch hở) phản ứng hoàn toàn với Na dư, thu được 0,025 mol khí H_2 . Công thức phân tử của ancol là
A. $C_2H_4(OH)_2$. B. C_2H_5OH . C. CH_3OH . **D. C_3H_7OH .**

Câu 11: Cho 7,6 gam hỗn hợp X gồm etanol và propan-2-ol, tác dụng với Na (dư) sinh ra 1,68 lít H_2 (đktc). Thành phần phần trăm khối lượng etanol trong X là

A. 39,5%. B. 60,5%. C. 30,3%. D. 70,7%.

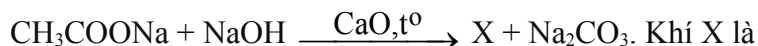
Câu 12: Cho dung dịch glixerol vào ống nghiệm có $\text{Cu}(\text{OH})_2$, thấy

A. kết tủa tan tạo ra dung dịch xanh lá cây. B. kết tủa tan tạo ra dung dịch xanh lam.
C. xuất hiện kết tủa xanh lá cây. D. xuất hiện kết tủa xanh lam.

Câu 13: Tỉ khối hơi của anken X so với H_2 bằng 28. Công thức phân tử của X là

A. C_3H_{10} . B. C_3H_6 . C. C_4H_8 . D. C_2H_4 .

Câu 14: Cho sơ đồ phản ứng điều chế khí X trong phòng thí nghiệm:



A. C_2H_4 . B. CH_4 . C. C_2H_6 . D. C_2H_2 .

Câu 15: Số đồng phân cấu tạo mạch hở ứng với công thức phân tử C_4H_6 là

A. 3. B. 2. C. 5. D. 4.

Câu 16: Đốt cháy hoàn toàn 1 mol ankan X thu được 3 mol CO_2 . Công thức phân tử của X là

A. C_3H_8 . B. C_2H_6 . C. C_3H_4 . D. C_3H_6 .

Câu 17: Công thức chung của ankadien là

A. $\text{C}_n\text{H}_{2n-2} (n \geq 3)$. B. $\text{C}_n\text{H}_{2n+2} (n \geq 1)$. C. $\text{C}_n\text{H}_{2n} (n \geq 2)$. D. $\text{C}_n\text{H}_{2n-6} (n \geq 6)$.

Câu 18: Để phân biệt $\text{CH}_2=\text{CH}_2$ với $\text{CH}_3-\text{C}\equiv\text{CH}$ bằng phương pháp hóa học, dùng thuốc thử là dung dịch

A. NaOH. B. HCl. C. NaCl. D. AgNO_3 trong NH_3 .

Câu 19: Chất X mạch hở, công thức phân tử là C_6H_6 . Cho X tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , thu được kết tủa Y. Biết $M_Y - M_X = 214$. Số công thức cấu tạo phù hợp của X là

A. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

Câu 20: Đốt cháy hoàn toàn m gam ancol đơn chức X, thu được 0,2 mol CO_2 và 0,3 mol H_2O . Mặt khác, đun nóng m gam X với H_2SO_4 đặc ở 140°C , thu được lượng ete tối đa là

A. 3,7 gam. B. 2,8 gam. C. 4,6 gam. D. 5,6 gam.

----- HẾT -----